

Bản án số: 36/2022/HS-ST
Ngày 27-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Xuyên

Bà Phạm Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Số 62/120/201 T, phường T, Quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 5/600 N, phường V, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H1 (đã chết) và bà Vũ Thị Y; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 12 năm 2021, đến ngày 06 tháng 01 năm 2022 chuyển tạm giam. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị X; sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 150 L, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 156 C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Bùi Anh B; sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 512 T, phường V, Quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 12 năm 2021, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, Nguyễn Đình H đã nảy sinh ý định đến các cửa hàng vàng, bạc trên địa bàn Quận N và quận H giả vờ hỏi mua vàng nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2021, Nguyễn Đình H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu bạc (không rõ biển kiểm soát) do H mượn của một người bạn xã hội tên Kin (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) đi đến cửa hàng vàng bạc B tại địa chỉ số 150 L, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng. Khi đến nơi, H dựng xe trước cửa, chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa rồi đi vào trong cửa hàng. Tại đây, H gặp chị Vũ Thị X - là chủ cửa hàng, H hỏi mua một chiếc nhẫn vàng ta loại 05 chỉ. Chị X mở tủ kính lấy một chiếc nhẫn vàng ta loại 05 chỉ, mặt hình chữ nhật, chạm khắc hình rồng rồi đưa cho H. H cầm chiếc nhẫn, giả vờ xem, đeo thử vào tay rồi lợi dụng lúc chị X mất cảnh giác, H chạy ra cửa, lên xe nổ máy đi theo hướng ngã 4 Q, rẽ vào đường Đ, Quận L, thành phố Hải Phòng. Trên đường bỏ chạy, H vào một cửa hàng vàng bạc (không nhớ địa chỉ) và bán chiếc nhẫn trên với giá 24.000.000 đồng. Số tiền bán chiếc nhẫn, H dùng để chơi game hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận N kết luận (định giá qua hồ sơ): Một chiếc nhẫn vàng ta, mặt hình chữ nhật trạm rồng, loại vàng 9999, khối lượng 05 chỉ trị giá 26.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2021, Nguyễn Đình H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu đen mang biển kiểm soát 16L7-4633 do H thuê của anh Bùi Anh B đến cửa hàng vàng bạc P tại số 156 C, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Tại đây, H gặp chị Nguyễn Thị Ái L - là chủ cửa hàng và hỏi mua nhẫn vàng tây nhưng không có nên H bỏ đi. Khoảng 15 phút sau, H quay lại dựng xe trước cửa hiệu, chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa, rồi đi bộ vào trong cửa hàng. H chọn mua một sợi dây chuyền vàng tây, kèm theo một mặt dây chuyền vàng tây hình bầu dục có đính đá màu đỏ. Chị L báo giá cho H tổng giá trị của sợi dây chuyền và mặt dây chuyền trên là 11.700.000 đồng. Chị

L đặt sợi dây chuyền lên mặt kệ kính, H đeo thử sợi dây chuyền vào cổ rồi lại tháo ra trả cho chị L. Sau đó, chị L cầm sợi dây chuyền ở tay trái, tay phải viết hóa đơn thì H đề nghị xem thêm lần nữa, chị L đồng ý. H cầm sợi dây chuyền giả vờ xem; lợi dụng lúc chị L đang ghi hóa đơn, mất cảnh giác, H đã đứt sợi dây chuyền vào túi áo khoác bên trái rồi chạy ra cửa, lên xe nổ máy, tẩu thoát. Trên đường bỏ chạy, H điều khiển xe đến cửa hàng vàng bạc D tại số 512 T, phường V, Quận L, thành phố Hải Phòng bán cho chủ cửa hàng là anh Bùi Xuân T chiếc dây chuyền với giá 5.100.000 đồng; còn mặt dây chuyền đính đá đỏ thì H giữ lại. Số tiền bán dây chuyền, H dùng để chơi game hết.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nguyễn Đình H đến Công an phường C, quận H, thành phố Hải Phòng đầu thú và giao nộp một số đồ vật gồm: Một mặt dây chuyền có móc treo đều bằng kim loại màu vàng, ở giữa mặt có gắn một viên đá màu đỏ hình bầu dục và xung quanh gắn 24 viên đá nhỏ không màu; một áo khoác màu đen có mũ; một quần vải thể thao màu đen; một đôi dép lê.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, anh Bùi Xuân T giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H sợi dây chuyền mà anh đã mua của Nguyễn Đình H để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: Một sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 47cm trị giá 6.026.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: Một mặt dây chuyền có móc treo đều bằng kim loại màu vàng, ở giữa mặt có gắn một viên đá màu đỏ hình bầu dục và xung quanh gắn 24 viên đá nhỏ không màu trị giá 3.066.667 đồng.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H trả một sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 47cm và một mặt dây chuyền có móc treo đều bằng kim loại màu vàng, ở giữa mặt có gắn một viên đá màu đỏ hình bầu dục và xung quanh gắn 24 viên đá nhỏ không màu cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ái L.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, anh Bùi Anh B giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu đen mang biển kiểm soát 16L7-4633 và một mũ bảo hiểm (loại đội nửa đầu) màu xanh, bên trên có chữ “MAX 4D - Xỏ số tự chọn” để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 05 tháng 04 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ban hành Quyết định số 02/QĐ-ĐCSHS nhập vụ án hình sự Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 25 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N, thành phố Hải Phòng với vụ án hình sự

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 08 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hải Phòng và gọi chung là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn quận H và Quận N tháng 12 năm 2021.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS-QHA ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H An, thành phố H Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H An giữ quyền công tố luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Vũ Thị X số tiền 26.000.000 đồng và trả cho anh Bùi Xuân T số tiền 5.100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy một áo khoác vải màu đen, có mũ, bên trong có lót giả lông, mặt ngoài cánh tay trái có ba dòng kẻ song song chạy dọc từ vai đến khuỷu tay; một quần vải thể thao màu đen, có họa tiết hình khối dọc hai ống quần màu trắng và xanh lá, phần mặt ngoài của túi quần bên trái có ký hiệu bốn chữ B gắn vào nhau; 01 đôi dép lê, dạng dép tổ ong, màu nâu vàng, trên mặt đế trong dép có dòng chữ “SANDALES-RXPORJ”, phần quai có nhiều lỗ; một chiếc mũ bảo hiểm (loại đội nửa đầu) màu xanh bên trên có chữ “MAX 4D- Xổ số tự chọn”.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát 16L7-4633 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình H nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận; bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Vũ Thị X số tiền 26.000.000 đồng và hoàn trả cho anh Bùi Xuân T số tiền 5.100.000 đồng. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, bị hại là chị Vũ Thị X và chị Nguyễn Thị Ái L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Anh B và anh Bùi Xuân T đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Vũ Thị X yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 26.000.000 đồng, anh Bùi Xuân T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 5.100.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ái L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác về bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Đình H tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ hỏi mua vàng nhằm tạo lòng tin để chị Vũ Thị X và chị Nguyễn Thị Ái L tự nguyện giao nhẫn và dây chuyền vàng cho bị cáo. Sau khi nhận được các tài sản trên, bị cáo đã mang bán và sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tại thời điểm thực hiện các hành vi nêu trên, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chị X và chị L tin tưởng, giao nhẫn và dây chuyền cho bị cáo, sau đó chiếm đoạt các tài sản trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi, hậu quả gây thiệt hại về tài sản cho chị X và chị L với tổng số tiền theo kết luận định giá là 35.092.667 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 19 tháng 12 năm 2021, bị cáo chiếm đoạt của chị Vũ Thị X một chiếc nhẫn vàng ta, loại vàng 9999, khối lượng 05 chỉ trị giá 26.000.000 đồng; ngày 30 tháng 12 năm 2021, bị cáo chiếm đoạt

của chị Nguyễn Thị Ái L một sợi dây chuyền và một mặt dây chuyền vàng tây với tổng trị giá là 9.092.667 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra đầu thú và tự nguyện giao nộp mặt dây chuyền để trả lại cho chị Nguyễn Thị Ái L, khắc phục một phần hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, chị L có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt, cách L bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị Ái L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu nào khác về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Chị Vũ Thị X yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền 26.000.000 đồng - là giá trị của chiếc nhẫn vàng ta mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị X. Xét, yêu cầu bồi thường của chị X là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Đối với yêu cầu của anh Bùi Xuân T về việc buộc bị cáo phải trả cho anh T số tiền đã mua chiếc dây chuyền vàng tây, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Sau khi chiếm đoạt chiếc dây chuyền trên của chị Nguyễn Thị Ái L, bị cáo đã mang dây chuyền đến cửa hàng vàng bạc của anh Bùi Xuân T, bán cho anh T với số tiền là 5.100.000 đồng và dùng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân. Khi mua sợi dây chuyền trên, anh T không biết sợi dây chuyền này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, yêu cầu của anh Bùi Xuân T về việc bị cáo phải trả lại anh T số tiền 5.100.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H một số tài sản cá nhân gồm: Một áo khoác vải màu đen, có mũ, bên trong có lót giả lông, mặt ngoài cánh tay trái có ba dòng kẻ song song chạy dọc từ vai đến khuỷu tay; một quần vải thể thao màu đen, có họa tiết hình khối dọc hai ống quần màu trắng và xanh lá, phần mặt ngoài của túi quần bên trái có ký hiệu bốn chữ B gắn vào nhau; 01 đôi dép lê, dạng dép tổ ong, màu nâu vàng, trên mặt đế trong dép có dòng chữ “SANDALES-RXPORJ”, phần quai có nhiều lỗ. Đây là các vật dụng cá nhân bị cáo mang trên người khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ái L, tuy nhiên những tài sản này không còn giá trị sử dụng và bị cáo cũng không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với một chiếc mũ bảo hiểm (loại đội nửa đầu) màu xanh bên trên có chữ “MAX 4D - Xổ số tự chọn” có nguồn gốc do bị cáo mượn của anh Bùi Anh B. Khi cho bị cáo mượn chiếc mũ trên, anh B không biết bị cáo sử dụng mũ vào mục đích phạm tội; tuy nhiên, chiếc mũ này không còn giá trị sử dụng và anh B cũng không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đen, biển kiểm soát 16L7-4633 hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31 tháng 12 năm 2021.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đình H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải bồi thường cho chị Vũ Thị X số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải trả cho anh Bùi Xuân T số tiền 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một áo khoác vải màu đen, có mũ, bên trong có lót giả lông, mặt ngoài cánh tay trái có ba dòng kẻ song song chạy dọc từ vai đến khuỷu tay; một quần vải thể thao màu đen, có họa tiết hình khối dọc hai ống quần màu trắng và xanh lá, phần mặt ngoài của túi quần bên trái có ký hiệu bốn chữ B gắn vào nhau; một đôi dép lê, dạng dép tổ ong, màu nâu vàng, trên mặt đế trong dép có dòng chữ “SANDALES-RXPORJ”, phần quai có nhiều lỗ; một mũ bảo hiểm (loại đội nửa đầu) màu xanh bên trên có chữ “MAX 4D - Xổ số tự chọn” (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đình H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.555.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- VKSND quận H An;
- VKSND thành phố H Phòng;
- CQCSDT - Công an quận H An;
- CQTHAHS - Công an quận H An;
- PV06 - Công an thành phố H Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố H Phòng;
- Chi cục THADS quận H An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp